

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 02a/2023/KDTM - ST

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử
lý tài sản thế chấp”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bình Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Ông Đoàn Văn Đoan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST – KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST - KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V; địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, Số 210 đường Trần Q, phường T, quận H thành phố ; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Tuấn L – Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L chi nhánh V; Người được ủy quyền lại: Ông Chế Hồng P, sinh năm 1979; ông Trần Tiến N, sinh năm 1986; ông Bùi Văn T, sinh năm 1987, (Văn bản ủy quyền số 08/2023/UQ-LPB VP ngày 20/02/2023) (Có mặt ông Tuấn)

Bị đơn: Anh Phùng Văn Q, sinh năm 1985; Người được anh Q ủy quyền chị Trần Thị M và chị Trần Thị M, sinh năm 1991; Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh P (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2023), (Chị M, anh Q có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T, sinh năm 1966 và bà Trần Thị M, sinh năm 1970; đều có địa chỉ: Thôn Đ xã Đ, huyện Y, tỉnh P; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà M: Ông Vũ Văn D và ông

Lương Văn C – Luật sư, Công ty luật TNHH Vũ D và công sự; địa chỉ: Số nhà 75, Tôn Thất T, phường L, thành phố V, tỉnh V, (ông T, bà M, ông D, ông C đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/06/2022 Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng với anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M cụ thể là Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng với số tiền là: 5.010.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3902022198 ngày 09/06/2022 và Phụ lục HDTD số 01/PL/HDTD ngày 18/08/2022. Thời hạn cấp hạn mức 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng hạn mức. Mục đích: Tiêu dùng và bổ sung vốn lưu động, phục vụ mục đích kinh doanh. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng Bưu điện Liên V.

Sau khi ký hợp đồng hạn mức Ngân hàng đã giải ngân cho anh Q, chị M theo các khế ước nhận nợ sau:

Ngày 18/8/2022 ngân hàng giải ngân cho anh Q, chị M vay 332.000.000 đồng, lãi suất; 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 18/01/2023 theo Khế ước nhận nợ số: 3902022198/02.

Ngày 19/08/2022 ngân hàng giải ngân cho anh Q, chị M vay 170.000.000 đồng, lãi suất; 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 19/01/2023 theo Khế ước nhận nợ số: 3902022198/03.

Ngày 20/08/2022 ngân hàng giải ngân cho anh Q, chị M vay 748.000.000 đồng, lãi suất; 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 20/01/2023 theo Khế ước nhận nợ số: 3902022198/04.

Ngày 10/11/2022 ngân hàng giải ngân cho anh Q, chị M vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất; 11 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 10/02/2023 theo Khế ước nhận nợ số: 3902022198/05.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

Tài sản 1: Thửa đất số 940, tờ bản đồ số 16, diện tích 141 m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 425607 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 04/12/2019 cho ông Trần Văn T và bà Trần Thị M theo Hợp đồng thế chấp số: DTC3902022198/01 ngày 18/8/2022, số công chứng 4771-2022/HĐTC; Quyền số: 08/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng V.

Tài sản 2: Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 29, diện tích 190 m² tại khu đấu giá QSDĐ và đất dịch vụ tại khu đồng Cái n, thôn L, xã H, huyện T, tỉnh P theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 353552 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 02/06/2022 cho ông Phùng Văn Q và bà Trần Thị M theo Hợp đồng thế chấp số: HDTC3902022198 ngày 09/06/2022, số công chứng 3694-2022/HĐTC; Quyền số: 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng V, tỉnh P và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01/PL/HĐTC ngày 18/08/2022.

Sau khi vay anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M đã trả lãi cho Ngân hàng tổng là 52.168.690 đồng.

Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M đã chuyển sang nợ quá hạn từ tháng 01/2023.

Ngày 19/9/2023 gia đình anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M đã trả cho Ngân hàng 1.425.000.000 đồng tiền nợ gốc để rút 01 tài sản đảm bảo là thửa đất số 940, tờ bản đồ số 16, diện tích 141 m² tại thôn Đồng L, xã Đồng V, huyện Y, tỉnh P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 425607 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 04/12/2019 cho ông Trần Văn T và bà Trần Thị M.

Ngày 19/9/2023 Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh Quyết chị M phải trả 1.425.000.000 đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số: DTC3902022198/01 ngày 18/8/2022 đối với thửa đất số 940, tờ bản đồ số 16, diện tích 141 m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y tỉnh P để thu hồi nợ.

Nay ngân hàng yêu cầu buộc anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 21/9/2023 là 2.262.202.599 đồng. Trong đó nợ gốc 1.824.999.923 đồng, nợ lãi trong hạn 307.490.066 đồng, lãi phạt chậm trả gốc 126.014.652 đồng, lãi chậm trả lãi 3.697.958 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán đầy đủ nợ vay, anh Phùng Văn Q và chị Trần Thị M phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng đối với số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: HDTD3902022198 ngày 09/06/2022; Phụ lục HĐTD số 01/PL/HDTD ngày 18/08/2022 và giấy nhận nợ.

Ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phùng Văn Q và bà Trần Thị M không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ vay thì Ngân hàng TMCP Bưu Điện L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ vay. Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, anh Phùng Văn Q và chị Trần Thị M có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc kiểm tra hiện trạng Ngân hàng tự nguyện chịu phần chi phí liên quan đến thẩm định thửa đất của ông T,

bà M (theo Hợp đồng thế chấp số:DTC3902022198/01) do Ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản.

Bị đơn anh Phùng Văn Q và chị Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2023 và biên bản hòa giải ngày 11/8/2023 và ngày 21/8/2023 chị Trần Thị M trình bày:

Ngày 09/06/2022 chị và anh Phùng Văn Q được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng với số tiền là: 5.010.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3902022198 ngày 09/06/2022 và Phụ lục HĐTD số 01/PL/HDTD ngày 18/08/2022. Thời hạn cấp hạn mức 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng hạn mức. Mục đích: Tiêu dùng và bổ sung vốn lưu động, phục vụ mục đích kinh doanh. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng Bưu điện L.

Sau khi ký hợp đồng hạn mức Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng chị theo các khế ước nhận nợ sau:

Ngày 18/8/2022 ngân hàng giải ngân cho anh Q, chị M vay 332.000.000 đồng, lãi suất; 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 18/01/2023 theo Khế ước nhận nợ số: 3902022198/02.

Ngày 19/08/2022 ngân hàng giải ngân cho anh Q, chị M vay 170.000.000 đồng, lãi suất; 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 19/01/2023 theo Khế ước nhận nợ số: 3902022198/03.

Ngày 20/08/2022 ngân hàng giải ngân cho anh Q, chị M vay 748.000.000 đồng, lãi suất; 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 20/01/2023 theo Khế ước nhận nợ số: 3902022198/04.

Ngày 10/11/2022 ngân hàng giải ngân cho anh Q, chị M vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất; 11 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 10/02/2023 theo Khế ước nhận nợ số: 3902022198/05.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

Tài sản 1: Thửa đất số 940, tờ bản đồ số 16, diện tích 141 m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 425607 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 04/12/2019 cho ông Trần Văn T và bà Trần Thị M theo Hợp đồng thế chấp số:DTC3902022198/01 ngày 18/8/2022, số công chứng 4771-2022/HĐTC; Quyền số: 08/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng V, tỉnh P.

Tài sản 2: Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 29, diện tích 190 m² tại khu đấu giá QSDĐ và đất dịch vụ tại khu đồng Cái n, thôn L, xã H, huyện T, tỉnh P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 353552 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày

02/06/2022 cho ông Phùng Văn Q và bà Trần Thị M theo Hợp đồng thế chấp số: HDTC3902022198 ngày 09/06/2022, số công chứng 3694-2022/HĐTC; Quyền số: 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng V, tỉnh P và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01/PL/HĐTC ngày 18/08/2022.

Sau khi vay vợ chồng chị đã trả lãi cho Ngân hàng tổng là 52.168.690 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu buộc vợ chồng chị phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị đồng ý nhưng vì kinh doanh thua lỗ, hiện tại vợ chồng chị chưa có tiền để trả nợ ngay, chị xin chậm trả gốc và miễn lãi.

Nếu vợ chồng chị không trả được nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ quan điểm của chị là nhất trí cho xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng chị còn tài sản của ông T, bà M chị không đồng ý cho xử lý để thu hồi nợ.

Chị là người được anh anh Phùng Văn Q (chồng chị) ủy quyền, lời khai và quan điểm của anh Q cũng như chị đã trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và bà Trần Thị M có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Bản tự khai ngày 27/6/2023, biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2023, biên bản hòa giải ngày 11/8/2023 và ngày 21/8/2023 ông Trần Văn T và bà Trần Thị M trình bày:

Đối với hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L và anh Phùng Văn Q và chị Trần Thị M ông bà không có ý kiến gì.

Đối với Hợp đồng thế chấp số: DTC3902022198/01 ngày 18/8/2022 ông bà có ý kiến như sau: Khi anh Q, chị M vay tiền của Ngân hàng, anh chị có mượn tài sản của vợ chồng ông bà là thửa đất số 940, tờ bản đồ số 16, diện tích 141 m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh P và tài sản trên đất để thế chấp cho Ngân hàng. Nếu vợ chồng anh Q, chị M không trả được nợ cho Ngân hàng ông bà không đồng ý xử lý tài sản trên của ông bà để trả nợ tiền vay.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc anh Q, chị M phải trả nợ cho Ngân hàng như Ngân hàng yêu cầu. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ hiện trạng, ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng tự nguyện chịu 4.800.000 đồng, anh Q, chị M phải chịu 4.800.000 đồng. Về án phí: Ngân hàng không phải chịu án, anh Q, chị M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng TMCP Bưu Điện L ký hợp đồng tín dụng cho anh Phùng Văn Q chị Trần Thị M vay tiền để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, các bên đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP Bưu Điện L khởi kiện yêu cầu anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M trả nợ tiền vay Ngân hàng, anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M có nơi cư trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh P. nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Văn T, bà Trần Thị M và luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T, bà M đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Tại phiên tòa Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh Quyết chị M phải trả 1.425.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số:DTC3902022198/01. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án gia đình anh Q chị M đã trả 1.425.000.000 đồng tiền gốc cho Ngân hàng, số tiền này tương ứng với tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp số: DTC3902022198/01. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng rút phần buộc anh Q, chị M phải trả 1.425.000 đồng tiền nợ gốc và không xử lý tài sản thế chấp đứng tên ông T, bà M. Do Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đứng tên ông T, bà M nên Hội đồng xét xử không xem xét đề nghị của ông T, bà M.

Xét Hợp đồng tín dụng số HDTD3902022198 ngày 09/06/2022 và Phụ lục HĐTD số 01/PL/HDTD ngày 18/08/2022; Giấy nhận nợ số: 3902022198/02, ngân hàng giải ngân ngày 18/8/2022 cho anh Q, chị M vay 332.000.000 đồng, lãi suất 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 18/01/2023; Giấy nhận nợ số: 3902022198/03 ngân hàng giải ngân ngày 19/08/2022 cho anh Q, chị M vay 170.000.000 đồng, lãi suất: 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 19/01/2023; Giấy nhận nợ số: 3902022198/04 ngân hàng giải ngân ngày 20/08/2022 cho anh

Q, chị M vay 748.000.000 đồng, lãi suất; lãi suất; 9,36 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 20/01/2023; Giấy nhận nợ số: 3902022198/05 ngân hàng giải ngân ngày 10/11/2022 cho anh Q, chị M vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất 11 %/năm, thời hạn trả nợ gốc ngày 10/02/2023 thấy hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, do đó các hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Tính đến ngày xét xử, bị đơn đã trả được cho Ngân hàng 1.425.000.000 đồng tiền gốc và 52.168.690 đồng tiền lãi còn nợ 2.262.202.599 đồng (Trong đó nợ gốc 1.824.999.923 đồng, nợ lãi trong hạn 307.490.066 đồng, lãi phạt chậm trả gốc 126.014.652 đồng, lãi chậm trả lãi 3.697.958 đồng) chưa thanh toán. Xét thấy khi đến hạn trả nợ, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận hai bên ký kết trong hợp đồng, do đó căn cứ vào các quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp còn lại xét thấy: Khi vay, bên vay thế chấp cho Ngân hàng tài sản gồm thửa đất số 176, tờ bản đồ số 29, diện tích 190 m² đứng tên ông Phùng Văn Q và bà Trần Thị M, việc thế chấp và nhận thế chấp là tự nguyện, sau khi thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp tài sản này là hợp pháp cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp này để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngân hàng tự nguyện chịu 4.800.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Anh Q, chị M phải chịu 4.800.000 đồng. Ngân hàng đã nộp chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ 9.600.000 đồng nên cần buộc anh Q, chị M phải thanh toán trả cho Ngân hàng 4.800.000 đồng.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Anh Q, chị M phải chịu án phí là 77.244.000 đồng (72.000.000 đồng + 2% của 262.202.599 đồng là 5.244.000 đồng) theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 280, 299, 317, 318, 319, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L đối với anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M.

Buộc anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L tổng số tiền nợ cả gốc và lãi là 2.262.202.599 (Hai tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu hai trăm linh hai nghìn năm trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó nợ gốc 1.824.999.923 đồng, nợ lãi trong hạn 307.490.599 đồng, lãi phạt chậm trả gốc 126.014.652 đồng, lãi chậm trả lãi 3.697.958 đồng. Anh Q, chị M phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đối với số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số: HDTD3902022198 ngày 09/06/2022, Phụ lục HĐTD số 01/PL/HDTD ngày 18/08/2022 và giấy nhận nợ.

Trường hợp anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M không thanh toán số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện L có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 190 m² tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 29 ở tại khu đồng Cái n, thôn L, xã H, huyện T, tỉnh P, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 353552 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 02/06/2022 cho ông Phùng Văn Q và bà Trần Thị M theo hợp đồng thế chấp số: HDTC3902022198 ngày 09/06/2022, (Có sơ đồ kèm theo) để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo sau khi trừ đi các chi phí cho việc bán tài sản, các khoản phải nộp cho Nhà nước (nếu có) không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M có trách nhiệm tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện V tự nguyện chịu 4.800.000 đồng (xác nhận đã nộp đủ theo Phiếu thu tiền ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P). Buộc anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M phải thanh toán trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên V số tiền 4.800.000 (Bốn triệu tám trăm nghìn) đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phùng Văn Q, chị Trần Thị M không thanh toán trả Ngân hàng số tiền 4.800.000 đồng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Phùng Văn Q và chị Trần Thị M phải chịu 77.244.000 (Bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng 48.500.000 (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0001724 ngày 12/6/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA.DS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận